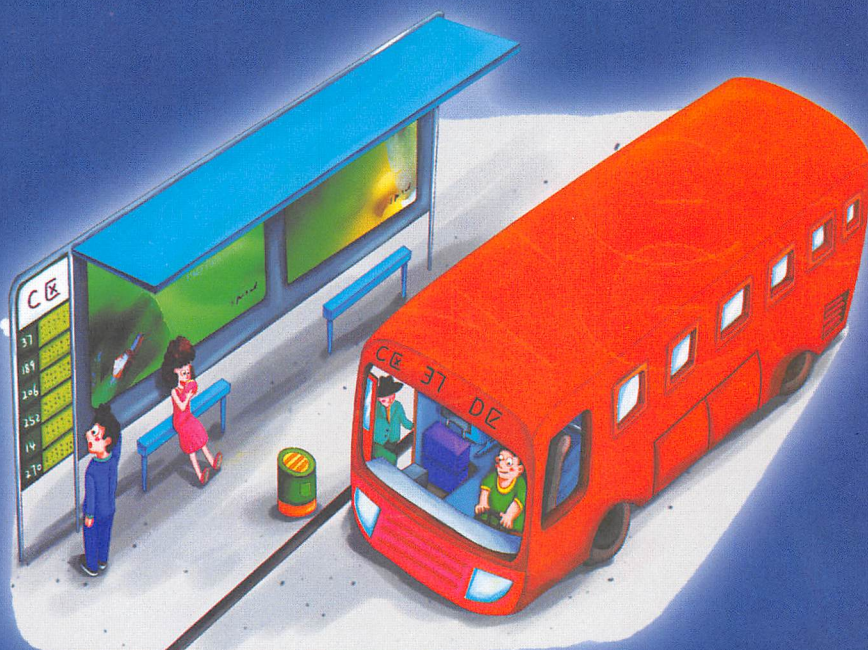


Nhân Văn Group

TỦ SÁCH BIẾT NÓI
iPen

900 CÂU HÁN NGỮ

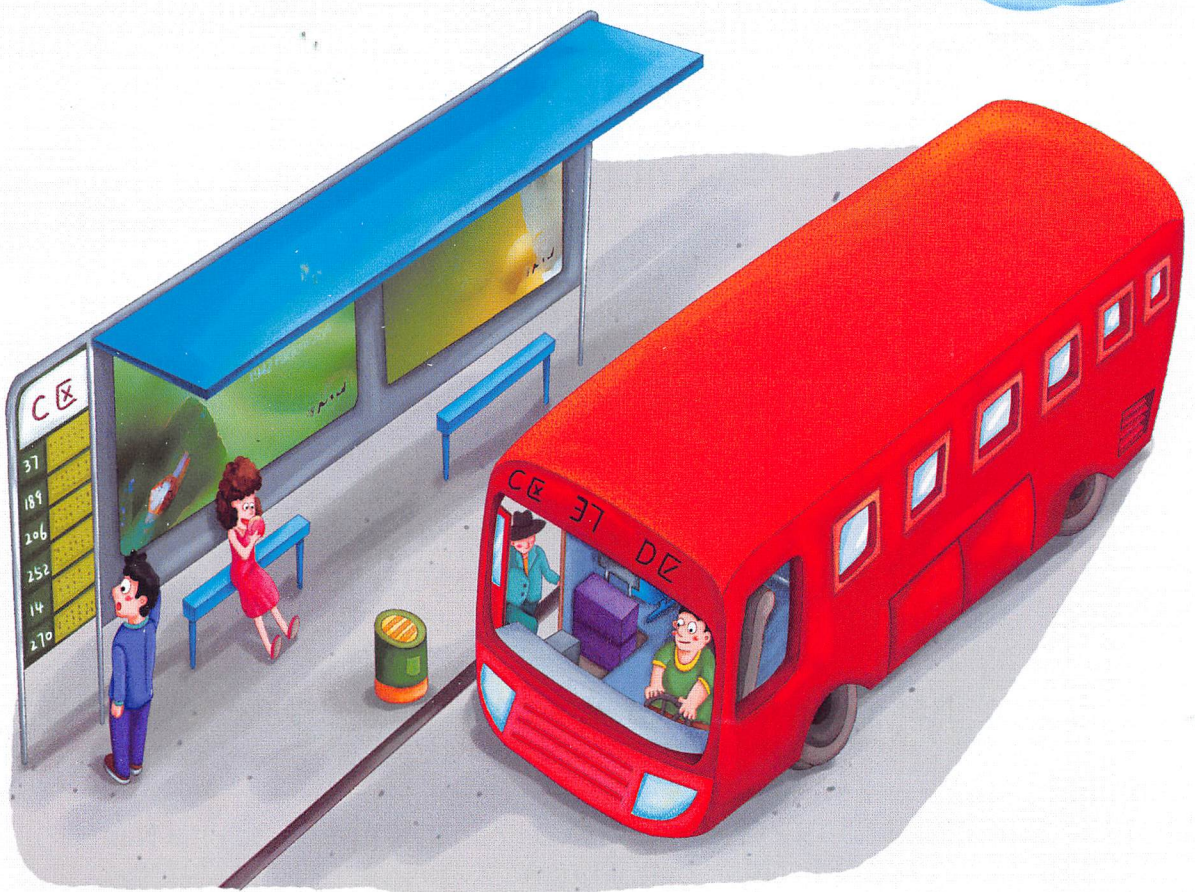
TẬP 4



Nhân Văn Group

900 Câu Hán Ngữ

Tập 4



NHÀ XUẤT BẢN
ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH

280 An Dương Vương, Phường 4, Quận 5, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 38 301 303 – Fax: (08) 39 381 382

Email: nxb@hcmup.edu.vn

Website: <http://nxb.hcmup.edu.vn>

900 CÂU HÁN NGŨ - TẬP 4

Nhân Văn Group

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc

ThS. LÊ THANH HÀ

Chịu trách nhiệm nội dung

Tổng biên tập

PGS. TS. NGUYỄN KIM HỒNG

Biên tập

VÕ THỊ THU HỒNG

Trình bày bìa:

LÊ THÀNH

Sửa bản in:

VĨNH THUYỀN

Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế - ISBN: 978-604-918-144-3

Liên kết xuất bản:

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA NHÂN VĂN

PHÁT HÀNH TẠI HỆ THỐNG NHÀ SÁCH NHÂN VĂN

* 01 Trường Chinh, P.11, Q. Tân Bình, TP.HCM

Tel: 39481792 – 39481794 Fax: 39481793

* 33 Trương Công Định, P.14 – Q.Tân Bình – TP.HCM

Tel: 38491258 Fax: 38490753

In 1000 cuốn khổ 19 x 27 cm tại Cty Cổ Phần In Khuyến Học Phía Nam

Địa chỉ: 128/7/7 Trần Quốc Thảo, Phường 7, Quận 3, TP. HCM

Xác nhận đăng ký xuất bản số: 1013-2014/CXB/09-170/ĐHSPTPHCM

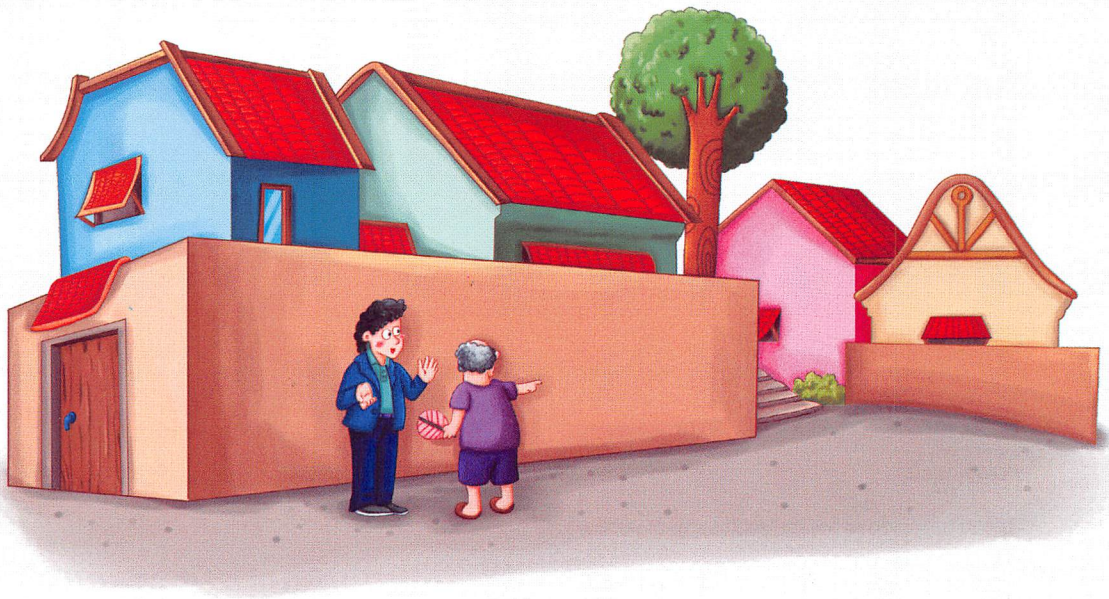
Quyết định xuất bản số: 283/QĐ-NXBĐHSP ký ngày 31/12/2014

In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2015.



bù xíng
步行

Đi Bộ



中国人口密度比较大，在大中等城市常常会发生堵车的情况，因此如果去近的地方，中国人往往选择步行，这样既方便又健康。当您走路时，请遵守中国的交通规则：“红灯停、绿灯行”另外要注意，一般要沿着路的右边行走。

Dân số Trung Quốc rất đông, tại các thành phố lớn và vừa thường xuyên xảy ra việc tắc nghẽn giao thông, vì thế khi cần đi đến những nơi gần, người Trung Quốc hay đi bộ, như vậy có thể luyện tập cơ thể. Khi đi ra ngoài đường, bạn nên tuân thủ các nguyên tắc giao thông tại Trung Quốc: “Đèn đỏ dừng, đèn xanh đi”, và phải đi dọc theo lề đường.

中国人比较热情，如果您迷路了，可以向路人问路。不过，中国南北方指路的习惯说法不一样。北方人习惯用“东、西、南、北”等方位词，比如说“向北走”、“往西拐”等；南方人习惯用“前、后、左、右”等来指路，比如“往前走”、“向左拐”等。如果您没听明白，没关系，可以麻烦中国人再说一遍。

Người Trung Quốc thường rất nhiệt tình, nếu bạn bị lạc đường, có thể hỏi người dân đi đường khác. Nhưng cách hướng dẫn đường đi của người Trung Quốc tại miền Nam và miền Bắc không giống nhau. Người miền Bắc thường dùng “Đông, Tây, Nam, Bắc” để chỉ dẫn vị trí đường đi, ví dụ “đi theo hướng Bắc”, “rẽ hướng Tây”; người miền Nam lại dùng “trước, sau, trái, phải” để chỉ đường, ví dụ “đi thẳng về phía trước”, “rẽ trái”. Nếu bạn vẫn không hiểu, bạn có thể nhờ người Trung Quốc nói rõ thêm lần nữa.



句型练习

Luyện Tập Câu

qǐng wèn zuì jìn de chē zhàn zěn me zǒu
请问最近的车站怎么走？

yì zhí wǎng dōng zǒu jiù shì
一直往东走就是。

nǎ biān shì dōng a
哪边是东啊？

chū le zhè ge lù kǒu xiàng yòu guǎi
出了这个路口向右拐。

lí zhèr yuǎn ma
离这儿远吗？

bú tài yuǎn zǒu jǐ fēn zhōng jiù dào le
不太远，走几分钟就到了。

dà gài jǐ fēn zhōng ne
大概几分钟呢？

wǔ fēn zhōng zuǒ yòu ba
5分钟左右吧！

Cho hỏi trạm xe buýt gần nhất đi đường nào vậy?

Đi thẳng theo hướng Đông là được.

Hướng nào là hướng Đông?

Ra khỏi con đường này rồi rẽ phải.

Cách chỗ này có xa không?

Không xa lắm, đi vài phút sẽ tới.

Khoảng mấy phút?

Khoảng 5 phút!

qǐng wèn qù cháo yáng gōng yuán zěn me zǒu
请问去朝阳公园怎么走？

wǒ xiǎng wèn yí xià gōng shāng yín háng shì
我想问一下，工商银行是
zài fù jìn ma
在附近吗？

Cho hỏi đi đường nào đến công viên Chaoyang?

Vui lòng cho hỏi, ngân hàng công thương có ở gần đây không?

替换练习

Luyện Tập Thay Thế

1

qǐng wèn zuì jìn de chē zhàn zěn me zǒu
请问最近的车站怎么走？

Cho hỏi **trạm xe buýt** gần nhất đi đường nào vậy?

yín háng
银行

ngân hàng

chāo shì
超市

siêu thị

wén jù diàn
文具店

tiệm văn phòng phẩm

yīn xiàng diàn
音像店

tiệm âm hưởng

2

yì zhí wǎng dōng zǒu jiù shì
一直往东走就是。

Đi thẳng theo hướng **Đông** là được.

xī
西
Tây

nán
南
Nam

běi
北
Bắc

3

chū le zhè ge lù kǒu xiàng yòu guǎi
出了这个路口向右拐。

Ra khỏi con đường này rồi rẽ phải.

xiàng dōng zǒu

向东走

rẽ hướng Đông

xiàng zuǒ guǎi

向左拐

rẽ trái

xiàng běi zǒu

向北走

rẽ hướng Bắc

xiàng xī zǒu

向西走

rẽ hướng Tây

4

bù tài yuǎn, zǒu jǐ fēn zhōng jiù dào le
不太远，走几分钟就到了。

Không xa lắm, đi bộ vài phút sẽ tới.

qí chē

骑车

chạy xe

liū da

溜达

đi dạo

kāi chē

开车

lái xe

5

dà gài jǐ fēn zhōng ne
大概几分钟呢？

Khoảng mấy phút?

duō jiǔ

多久

bao lâu

duō cháng shí jiān

多长时间

thời gian bao lâu

duō yuǎn

多远

bao xa

duō shǎo mǐ

多少米

bao nhiêu mét

6

qǐng wèn qù cháo yáng gōng yuán zěn me zǒu
请问去朝阳公园怎么走？

Cho hỏi đi đường nào đến công viên Chaoyang?

běi jīng zhàn

北京站

trạm Bắc Kinh

běi jīng dà xué

北京大学

đại học Bắc Kinh

tú shū dà shà

图书大厦

cao ốc thư viện

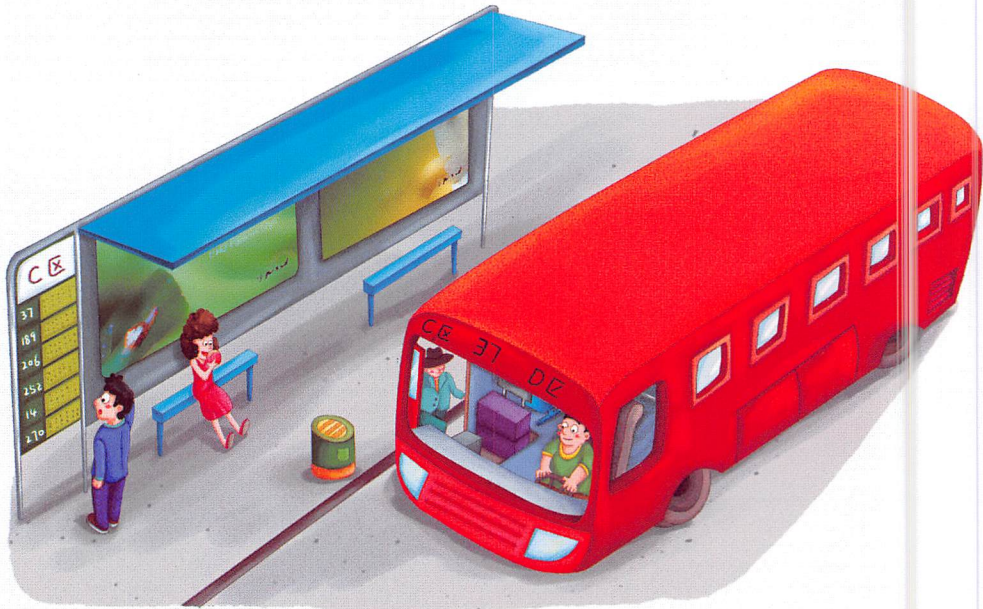
yóu jú

邮局

bưu điện

chéng gōng gòng qì chē
乘公共汽车

Đón Xe Buýt



在中国，公交车是最主要的交通工具之一。城市的公交系统很完备，线路很多，四通八达，坐公交外出很方便。另外普通老百姓一般承担不起购买和维护一辆私家车的费用，因而公交车是人们短途旅行最主要的工具之一。

Tại Trung Quốc, xe công cộng là một trong các phương tiện chủ yếu. Hệ thống giao thông công cộng của thành phố rất hoàn chỉnh, có rất nhiều tuyến, rất tiện lợi. Hơn nữa, người bình dân đa số không thể mua và duy trì phí để có một chiếc xe hơi, vì thế xe công cộng là phương tiện đi lại đối với mọi người.

中国所有的汽车都靠右侧行驶，如果这和您国家的不同，就得注意了。同时，在广州、上海、北京等城市，很多公交车是无人售票的，需要自己投币，因此乘坐公交车，您最好准备一些一块、两块、五毛的零钱。当然，来中国后，您可以办一张交通卡，这样上、下车刷卡就可以了，同时坐地铁时也可以刷卡。最后要注意的是，当您乘车时，要看清方向，避免误坐相反方向的车。

Tất cả xe hơi ở Trung Quốc đều chạy về bên phải, nếu điều này khác với ở quốc gia của bạn thì bạn nên chú ý. Đồng thời, tại các thành phố lớn như Quảng Châu, Thượng Hải, Bắc Kinh ... có nhiều xe công cộng không có nhân viên xét vé, mà tự mình đóng tiền xu, vì thế khi đi xe buýt, bạn nên chuẩn bị trước một số tiền lẻ một yuan, hai yuan, năm mao. Đường nhiên, khi tới Trung Quốc, bạn có thể làm một cái thẻ giao thông, khi xuống xe bạn chỉ cần lướt thẻ qua máy là được, khi đi tàu điện ngầm bạn cũng có thể sử dụng thẻ thanh toán. Điều cần chú ý cuối cùng, khi bạn đón xe, nên xem rõ phương hướng để tránh đón nhầm xe đi ngược hướng.



句型练习

Luyện Tập Câu

qǐng wèn zhè chē dào tiān ān mén ma
请问这车到天安门吗？

nín shàng chē ba
您上车吧。

nín dé dào mǎ lù duì miàn zuò chē
您得到马路对面坐车。

gāng shàng chē de chéng kè qǐng shuā kǎ
刚上车的乘客请刷卡，
kǎ de chéng kè qǐng mǎi piào
卡的乘客请买票。

Cho hỏi xe này có tới Thiên An Môn không?

Bạn lên xe đi.

Bạn nên đi qua đường đối diện để đón xe.

Khách vừa lên xe vui lòng lướt thẻ, khách không có thẻ vui lòng mua vé.

nǐ hǎo wǒ mǎi yī zhāng piào
你好，我买一张票。

dào tiān ān mén duō shao qián wǒ méi qù
到天安门多少钱？我没去
guò tiān ān mén
过天安门。

xià yí zhàn shì xī dān zài xī dān xià
下一站是西单，在西单下
chē de chéng kè qǐng zhǔn bèi
车的乘客请准备。

Xin chào, tôi muốn mua một vé.

Đi Thiên An Môn bao nhiêu tiền? Tôi chưa đi Thiên An môn bao giờ.

Trạm tiếp theo là Xidan, khách xuống trạm

Xidan vui lòng chuẩn bị.

dào de shí hòu má fan nín gào su wǒ yī
到的时候麻烦您告诉我一
shēng
声。

zhè chē bú dào cháo yáng gōng yuán nín déi
这车不到朝阳公园，您得
dào chē
倒车。

qǐng wèn zài nǎr dào chē
请问在哪儿倒车？

xià yí zhàn huàn qī sān yī lù qì chē
下一站换731路汽车。

Khi nào tới bạn vui lòng nói tôi biết nhé.

Xe này không đi tới công viên Triều Dương, bạn nên chuyển xe khác.

Xin cho hỏi chuyển xe ở đâu?

Trạm tiếp theo đón tuyến xe buýt số 731.

替换练习

Luyện Tập Thay Thế

1

qǐng wèn zhè chē dào tiān ān mén ma
请问这车到天安门吗？

dòng wù yuán
动物园
sở thú

wáng fǔ jǐng
王府井
Vương Tinh Phủ

cháo yáng lù
朝阳路
đường Chaoyang

běi jīng dà xué
北京大学
Đại học Bắc Kinh

Cho hỏi xe này có tới Thiên An Môn không?

2

nín déi dào mǎ lù duì miàn zuò chē
您得到马路对面坐车。

Bạn nên đi qua **đường đôi diện** để đón xe.

nà bian
那边
bên kia

nán bian
南边
hướng Nam

běi bian
北边
hướng Tây

nà tou
那头
đằng kia

3

xià yí zhàn shì xī dān , zài xī dān xià chē de chéng kè qǐng zhǔn bèi
下一站是西单，在西单下车的乘客请准备。

Trạm tiếp theo là **Xidan**, khách xuống trạm **Xidan** vui lòng chuẩn bị.

tiān ān mén dōng
天安门东
phía Đông
Tiananmen

qīng huá dà xué
清华大学
đại học Qinghua

zhōngguān cūn
中关村
Zhongguancun

guó mào zhōng xīn
国贸中心
trung tâm mậu
dịch quốc gia

4

wǒ méi qù guò tiān ān mén
我没去过天安门。

Tôi chưa đi **Thiên An Môn** bao giờ.

chángchéng
长城
Trường Thành

gù gōng
故宫
Hoàng cung

dí shì ní lè yuán
迪士尼乐园
sân chơi Disney

shàng hǎi
上海
Thượng Hải

5

dào de shí hòu má fan nín gào su wǒ yì shēng
到的时候麻烦您告诉我一声。

Khi nào tới bạn vui lòng **nói** tôi biết nhé.

jiào
叫
gọi

hǎn
喊
gọi

tí xǐng
提醒
nhắc nhở

6

xià yí zhàn huàn qī sān yī lù qì chē
下一站换731路汽车。

Trạm tiếp theo đón tuyến xe buýt số 731.

běi jīng lù
北京路
đường Bắc Kinh

qīng nián lù
青年路
đường Thanh Niên

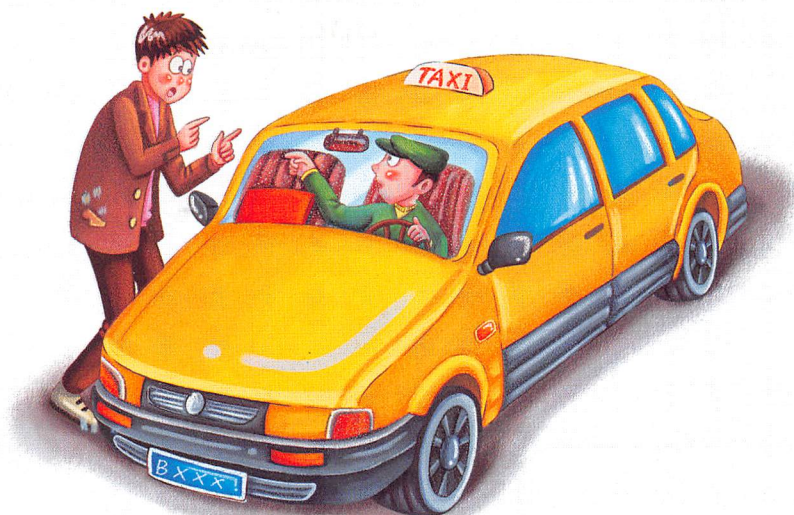
zhōng diǎn zhàn
终点站
trạm cuối cùng



chéng chū zū chē

乘出租车

Đón Taxi



在中国乘坐出租车的费用不高，因此，中国人常常一人打车，他们不习惯临时合伙租车这种省钱的方式，街头准备叫出租车的人们，很少会互相问一下目的地，商量可否共用一辆车。

Phí đi xe taxi tại Trung Quốc không cao, vì thế, người Trung Quốc thường đón taxi một mình, họ không quen với việc góp tiền trả phí thuê xe cùng với người khác, những người đón taxi ngoài đường ít ai có chung một địa điểm đến, thương lượng để cùng sử dụng chung một chiếc xe.

在不同的城市，出租车的计价方式也不一样。一般来说，车窗玻璃上都会贴出该城市统一规定的价格，出租车内也有价格显示器。值得注意的是，在机场周围往往有些没有运营资格的车，中国人称它为“黑车”。这种车没有计价器，司机常乱收费，因此请您一定不要乘坐这种黑车。

Tại những thành phố khác nhau, phí thuê xe cũng khác nhau. Thông thường, trên cửa sổ xe taxi đều được dán bảng giá xe thống nhất theo từng khu vực, trong xe cũng có máy hiện giá tiền. Điều đáng chú ý là, tại xung quanh sân bay thường có nhiều xe taxi không hợp quy định, người Trung Quốc gọi đó là “taxi đen”. Những xe này không có máy tính tiền, tài xế thường tính tiền tùy ý, vì thế bạn không nên đón những loại xe đen thế này.

同时，司机的英语水平一般都不高，如果您乘坐汽车，可以提前准备好中文地址，当然有的出租车提供同时翻译服务，您可利用车内的无绳电话，与翻译中心联系，这样您、司机和翻译3人可以同时对话。

Đồng thời, trình độ tiếng Anh của những tài xế taxi thường không cao, nếu có đi taxi, có thể chuẩn bị trước các địa chỉ bằng tiếng Hoa, có một số xe taxi cung cấp dịch vụ phiên dịch, bạn có thể sử dụng bộ đàm trong xe và liên lạc với trung tâm phiên dịch, như thế thì bạn, tài xế taxi và trung tâm phiên dịch 3 người có thể đồng thời nói chuyện.



句型练习

Luyện Tập Câu

nín hǎo nín qù nǎr
您好！您去哪儿？

shī fu wǒ qù běi jīng zhàn
师傅，我去北京站。

wǒ yào gǎn huǒ chē
我要赶火车。

zhè ge dì zhǐ nín zhī dào zěn me zǒu ma
这个地址您知道怎么走吗？

hǎo xiàng zài cháo yáng gōng yuán fù jìn
好像在朝阳公园附近。

Chào bạn! bạn đi đâu?

Tài xế, tôi muốn đi trạm Bắc Kinh.

Tôi cần đón xe lửa gấp.

Bạn có biết địa chỉ này đi thế nào không?

Hình như ở gần công viên Triều Dương.

cháo yáng gōng yuán dào le
朝阳公园到了。

jiù zài mén kǒu tíng ba
就在门口停吧！

nín de chéng chē fèi yòng shì sān shí yī yuán
您的乘车费用是三十一元。

gǎn xiè nín de chéng zuò
感谢您的乘坐！

Đến công viên Triều Dương rồi.

Dừng tại trước cổng nhé!

Phí thuê xe của bạn tổng cộng là 31 yuan.

Cám ơn bạn đã đón xe! ("Cám ơn bạn đi taxi của tôi!")

má fan nín néng bu néng zài kāi kuài diǎnr
麻烦您能不能再开快点儿？

zěn me zhè me dǔ
怎么这么堵……

zhè ge shí jiān nǎ lǐ dōu dǔ chē
这个时间哪里都堵车。

hái yǒu bié de lù ma
还有别的路吗？

wǒ men zǒu gāo sù guò qù ba
我们走高速过去吧。

Bạn có thể vui lòng lái nhanh hơn được không?

Sao lại kẹt xe nhiều thế...

Giờ này nơi nào cũng kẹt xe.

Có thể đi đường khác không?

Chúng ta hãy đi đường cao tốc.

替换练习

Luyện Tập Thay Thế

1

zhè ge dì zhǐ nín zhī dào zěn me zǒu ma
这个地址您知道怎么走吗？

Bạn có biết địa chỉ này đi thế nào không?

dì fang
地方
nơi

jiǔ bā
酒吧
quán bar

fàn diàn
饭店
nhà hàng

xiǎo qū
小区
quận

2

hǎo xiàng zài cháo yáng gōng yuán fù jìn
好像 在 朝阳公园 附近。

Hình như ở gần công viên Triều Dương.

sì hū
似乎

dà gài
大概

kě néng
可能

yīng gāi
应该

duǒng như

chắc là

có thể

có lẽ

3

jiù zài mén kǒu tíng ba
就在 门口 停吧！

Dừng trước cổng nhé!

kào lù biān
靠 路边

zài zhèr
在这儿

zài qián mian
在前面

zài páng biān
在旁边

đậu bên đường

ở đây

phía trước

kế bên

4

nín de chéng chē fèi yòng shì sān shí yī yuán
您的 乘车 费用 是 三十一元。

Phí thuê xe của bạn tổng cộng là 31 yuan.

èr shí wǔ
二十五

sì shí bā
四十八

liù shí èr
六十二

wǔ shí sān
五十三

25

48

62

53

5

zhè ge shí jiān nǎ lǐ dōu dǔ chē
这个 时间 哪里 都 堵车。

Giờ này nơi nào cũng kẹt xe.

shàng bān gāo fēng
上班 高峰

xià bān gāo fēng
下班 高峰

zǎo shàng bā diǎn
早上 8 点

xià wǔ liù diǎn
下午 6 点

giờ đi làm cao điểm

giờ tan làm cao điểm

8 giờ sáng

6 giờ chiều

6

wǒ men zǒu gāo sù guò qù ba
我们 走 高速 过去 吧。

Chúng ta hãy đi đường cao tốc.

fù lù
辅路

jìn dào
近道

sì huán lù
四环路

đường bên cạnh

đường tắt

đường 4 làn xe



外出——“你去哪儿？”
Đi ra ngoài — “Bạn đi đâu?”

cheng di tie 乘地铁

Đón Tàu Điện Ngầm



中国的地铁始建于1965年。现在，已建成地铁的城市有北京、天津、香港、上海、广州、南京。同时，大连、杭州、成都、西安等城市都在准备建设中。其中，香港地铁最具有人性化，上海地铁管理最严格。

Tàu điện ngầm Trung Quốc được thành lập vào năm 1965. Giờ đây, các thành phố đã cho xây dựng tàu điện ngầm gồm Bắc Kinh, Tianjin, Hong Kong, Thượng Hải, Quảng Châu, Nam Kinh. Đồng thời, Dalian, Hàn Châu, Thành Đô, Tây An cũng chuẩn bị tiến hành xây dựng. Trong đó, trạm tàu điện ngầm Hong Kong là tiện lợi nhất, trạm tàu Thượng Hải được quản lý chặt chẽ nhất.

地铁最大的优点是准时、快捷，人们可以自己控制好时间。坐地铁不用担心会遇到像坐公共汽车那样的堵车情况，因此越来越多的中国人选择它作为主要的交通方式。在北京、上海、广州等大城市，由于人口密度大，因此上、下班高峰期乘坐地铁会比较拥挤，出行时请避开高峰期。坐地铁时，人们可能会看看报纸、杂志或者听听音乐，形成了独特的地铁文化。

Ưu điểm lớn nhất của tàu điện ngầm là đúng giờ, nhanh, mọi người có thể tự sắp xếp thời gian. Đi tàu điện ngầm không phải lo lắng gặp tình trạng kẹt xe như đi các phương tiện giao thông khác, vì thế càng ngày càng nhiều người Trung Quốc lựa chọn đi tàu điện ngầm. Tại các thành phố lớn như Bắc Kinh, Thượng Hải, Quảng Châu, do mật độ dân số đông vì thế vào giờ cao điểm lúc đi làm và tan làm đều rất chật chội, khi đi ra ngoài nên tránh giờ cao điểm. Khi đi tàu điện ngầm, mọi người có thể đọc báo hoặc nghe nhạc, hình thành nên văn hóa độc đáo của tàu điện ngầm.



句型练习

Luyện Tập Câu

nǐ hǎo qǐng wèn wǒ dào tōng zhōu běi yuàn
你好！请问我到通州北苑
yīng gāi mǎi shén me piào
应该买什么票？

běi jīng dì tiě shì liǎng yuán tōng piào
北京地铁是两元通票。

xū yào huàn chéng ma
需要换乘吗？

Chào bạn! cho hỏi tôi đi TongZhou BeiYuan
phải mua vé thể nào?

Tàu điện ngầm Bắc Kinh 2 yuan 1 vé.

Bạn có cần đổi chuyển không?

dì tiě yī hào xiàn shǒu fā chē jǐ diǎn
地铁一号线首发车几点？

nǐ tīng guǎng bō huì yǒu jiè shào de
你听广播，会有介绍的。

chéng kè nín hǎo huān yíng nín chéng zuò dì
乘客您好，欢迎您乘坐地
tiě liè chē
铁列车。

xiàn zài wèi nín bō bào yī hào xiàn dì tiě
现在为您播报一号线地铁
shǒu mò chē shí jiān
首末车时间。

Tàu điện tuyến số 1 mấy giờ khởi hành?

Bạn nghe đài phát thanh nhé, họ sẽ giới thiệu
cho bạn biết.

Xin chào quý khách, chào mừng bạn đón
tàu điện ngầm.

Bây giờ chúng tôi sẽ thông báo thời gian khởi
hành và kết thúc tuyến tàu điện ngầm số 1.

běi jīng dì tiě méi yǒu guǎng zhōu dì tiě fāng
北京地铁没有广州地铁方
biàn
便。

tīng shuō shàng hǎi de dì tiě yě hěn fā dá
听说上海的地铁也很发达。

Tàu điện Bắc Kinh không tiện lợi bằng tàu điện
Quảng Châu.

Nghe nói tàu điện Thượng Hải rất phát triển.

替换练习

Luyện Tập Thay Thế

1

nǐ hǎo qǐng wèn wǒ dào tōng zhōu běi yuàn yīng gāi mǎi shén me piào
你好！请问我到通州北苑应该买什么票？

Chào bạn! cho hỏi tôi đi Tong Zhou BeiYuan phải mua vé thể nào?

tiān ān mén
天安门

Thiên An Môn

wǔ dào kǒu
五道口

Wudaokou

píng guǒ yuán
苹果园

Pingguoyuan

jūn shì bó wù guǎn
军事博物馆

bảo tàng quân sự

2

dì tiě yī hào xiàn shǒu fā chē jǐ diǎn Tàu điện tuyến số 1 mấy giờ khởi hành?
 地铁一号线首发车几点？

dì tiě bā hào xiàn
 地铁八号线

tàu điện tuyến số 8

chéng tiě shí sān hào xiàn
 城铁13号线

tàu điện tuyến số 13

dì tiě wǔ hào xiàn
 地铁5号线

tàu điện tuyến số 5

3

běi jīng dì tiě méi yǒu guǎng zhōu dì tiě fāng biàn
 北京地铁没有广州地铁方便。

Tàu điện Bắc Kinh không **tiện lợi** bằng tàu điện Quảng Châu.

shí shàng
 时尚

hiện đại

fā dá
 发达

phát đạt

wán bèi
 完备

hoàn chỉnh

shōu fèi gāo
 收费高

thu phí cao



chéng huǒ chē 乘 火车

Đón Xe Lửa



中国幅员辽阔，火车是中国人不可缺少的交通工具。中国的火车已经过多次大提速，在第六次大提速后，火车时速可达每小时200公里至250公里。目前最快的是动车组火车，如果您有机会，一定要亲自乘坐一下。

Trung Quốc là một quốc gia có đất đai rộng lớn, xe lửa là một phương tiện giao thông không thể thiếu đối với người Trung Quốc. Xe lửa của Trung Quốc đã trải qua rất nhiều lần nâng cấp, tại lần nâng cấp thứ 6, tốc độ xe lửa có thể đạt 200 tới 250 km mỗi giờ. Hiện tại ở Trung Quốc nhanh nhất là xe lửa Dongli, nếu bạn có dịp, bạn nên đón xe lửa một chuyến.

中国大城市的火车站往往不只一个，如北京的火车站共有四个：北京站、北京西站、北京南站和北京北站，这四个站分别在不同的地方，所以您在坐火车前，要弄清楚您要乘坐的火车在哪个火车站。

Trạm xe lửa tại các thành phố lớn của Trung Quốc không chỉ có 1 trạm, Bắc Kinh có 4 trạm xe lửa: trạm Bắc Kinh, trạm phía tây Bắc Kinh, trạm phía nam Bắc Kinh, trạm phía bắc Bắc Kinh, 4 trạm này ở 4 nơi khác nhau, cho nên trước khi bạn đi xe lửa, nên chú ý xe lửa mà bạn cần đi nằm ở trạm nào.

同时，您要注意各列火车的速度并不一样。火车速度的快慢，可以在车次上反映出来。以“T”开头的是特快车，以“Z”开头的是直达快速车，以“K”开头的是空调快速车，没有字母开头的是慢车。

Đồng thời, bạn cần chú ý tốc độ của các loại xe lửa không giống nhau. Tốc độ nhanh chậm của xe lửa thể hiện qua số lần xe chạy. Xe lửa tốc độ nhanh kí hiệu bắt đầu bằng chữ “T”,

chữ "Z" là xe lửa nhanh trực tuyến, chữ "K" là xe lửa nhanh có điều hòa, không có chữ nào kí hiệu thì đó là xe lửa chậm.



句型练习

Luyện Tập Câu

yǒu méi yǒu yī hào dào guǎngzhōu de zhí dá
wò pù piào
有没有1号到广州的直达卧铺票？

Có vé giường nằm của xe trực tuyến số 1 tới Quảng Châu không?

zhí dá chē de wò pù piào mài guāng le,
yīng zuò yào ma
直达车的卧铺票卖光了，硬座要吗？

Vé giường nằm của xe trực tuyến đã bán hết, ghế ngồi được không?

nǐ zì jǐ qù lǚ xíng yào xiǎo xīn diǎnr
a
你自己去旅行要小心点儿啊！

Bạn đi du lịch một mình phải cẩn thận nhé!

yào kàn hǎo xíng lí
要看好行李。

Phải để ý hành lý.

wǒ huì zhào gù hǎo zì jǐ de
我会照顾好自己。

Tôi sẽ tự chăm sóc mình.

wǒ dào le guǎngzhōu jiù gěi nǐ men
dǎ diàn huà
我到了广州就给你们打电话。

Tôi đến Quảng Châu sẽ gọi điện cho bạn.

huǒ chē jiù yào kāi le, nǐ men kuài
xià qu ba
火车就要开了，你们快下去吧。

Xe lửa sắp khởi hành rồi, bạn xuống xe mau lên.

qǐng wèn cān chē zài jǐ hào chē xiāng
请问餐车在几号车厢？

Cho hỏi ăn tối ở toa xe số mấy?

替换练习

Luyện Tập Thay Thế

1

yǒu méi yǒu yī hào dào guǎngzhōu de zhí dá wò pù piào
有没有1号到广州的直达卧铺票？

Có vé giường nằm của **xe trực tuyến** số 1 tới Quảng Châu không?

tè kuài yìng wò
特快硬卧

xe giường nằm cứng
tốc độ cao

tè kuài yìng zuò
特快硬座

xe chỗ ngồi cứng
tốc độ cao

dòng chē zǔ wò pù
动车组卧铺

xe giường nằm
tốc độ cao

2

zhí dá chē de wò pù piào mài guāng le , yìng zuò yào ma ?
直达车的卧铺票卖光了，硬座要吗？

Vé **giường nằm** của xe trực tuyến đã bán hết, ghế ngồi được không?

yìng wò
硬卧

ruǎn wò
软卧

ruǎn zuò
软座

giường cứng

giường mềm

chỗ ngồi nệm

3

nǐ zì jǐ qù lǚ xíng yào xiǎo xīn diǎnr ā ! BẠN ĐI **du lịch** MỘT MÌNH PHẢI CẨN THẬN NHÉ!

pá shān
爬山

hǎi biān
海边

tàn xiǎn
探险

jiāo yóu
郊游

leo núi

đi biển

thăm hiểm

du ngoạn

4

wǒ dào le guǎng zhōu jiù gěi nǐ men dǎ diàn huà 。 TÔI ĐẾN **Quảng Châu** SẼ GỌI ĐIỆN CHO BẠN.

nà biān
那边

jiǔ diàn
酒店

péng you jiā
朋友家

xué xiào
学校

bên kia

khách sạn

nhà của bạn

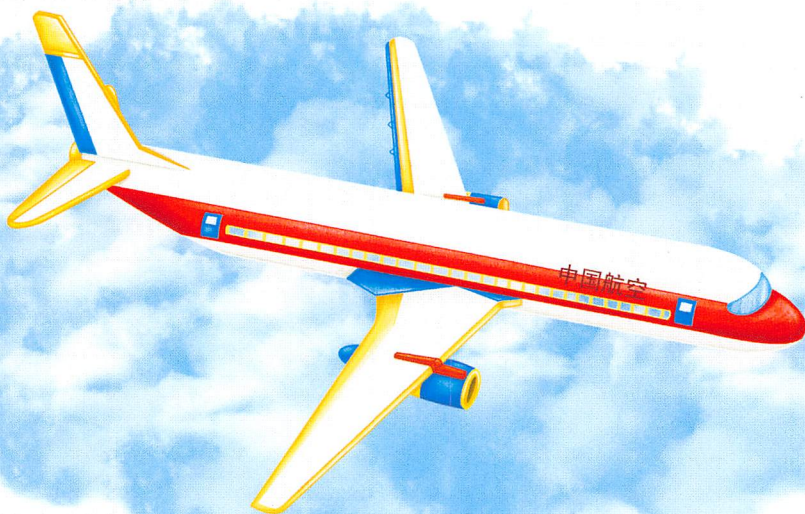
trường học



外出——“你去哪儿？”
Đi ra ngoài — “Bạn đi đâu?”

chéng fēi jī
乘飞机

Đáp Máy Bay



中国的航空公司开通的航班在不断增加，几乎可以到达全国各地乃至世界各地。其中，中国东方航空公司、中国国际航空公司和中国南方航空公司等航空公司是很出名的，很值得信赖。

Các tuyến bay của các hãng hàng không Trung Quốc gia tăng liên tục, gần như các nơi trong nước và nước ngoài đều có tuyến bay. Trong đó hãng hàng không Đông Phương Trung Quốc, hãng hàng không Quốc tế Trung Quốc và hãng hàng không Đông Phương Trung Quốc là các công ty hàng không nổi tiếng, có thể tin tưởng.

您可以打电话或者网上订购飞机票。如果您已经确定了时间，最好提前几个月订票，这样会有适当的折扣。机票折扣是各航空公司为了确保上座率，自己制定的，有的特价机票在旅游淡季甚至能够低至两折。

Bạn có thể gọi điện thoại hoặc đặt mua vé trên mạng. Nếu bạn đã xác định thời gian, tốt nhất đặt vé trước vài tháng, như vậy sẽ có giá khuyến mãi. Giá vé máy bay khuyến mãi là do các công ty hàng không tự ấn định để đảm bảo số lượng hành khách, vào mùa ế của mùa du lịch, giá vé máy bay có thể giảm đến 20%.

值得一提的是，您要注意时间，因为航空公司规定航班起飞前30分钟停止办理登机手续，所以您最好在起飞前1个小时到机场。

Điều đáng nói là, bạn nên chú ý thời gian, tại vì các hãng hàng không quy định bạn phải làm thủ tục lên máy bay trước 30 phút, cho nên bạn nên tới sân bay 1 tiếng đồng hồ trước giờ máy bay cất cánh.



句型练习

Luyện Tập Câu

wǒ xiǎng dīng qí hào běi jīng dào niǔ yuē de wǎng
我想订7号北京到纽约的往
fǎn piào
返票。

Tôi muốn đặt vé khứ hồi từ Bắc Kinh tới
New York vào ngày 7.

xiàn zài yǒu tè jià jī piào ma
现在有特价机票吗？

Hiện tại có vé khuyến mãi không?

tè jià jī piào bù dé gǎi qiān zhuǎn ràng
特价机票不得改签、转让。

Các loại vé khuyến mãi không thể chuyển nhượng.

xiàn zài zuì dī shì jǐ zhé
现在最低是几折？

Hiện tại giảm giá nhiều nhất là bao nhiêu?

qǐng dào guì tái bàn lǐ dēng jī shǒu xù
请到柜台办理登机手续。

Mời đến bàn làm thủ tục lên máy bay.

qǐng chū shì nín de shēn fèn zhèng jiàn
请出示您的身份证件。

Xin cho xem chứng minh nhân dân của bạn.

xiān sheng nín de shǒu tí xíng lí xū
先生，您的手提行李需
yào tuō yùn
要托运。

Chào ông, túi xách tay của ông nên gửi.

nín de xíng lí chāo zhòng le, xū yào jiā
您的行李超重了，需要加
shōu tuō yùn fèi
收托运费。

Hành lí của bạn vượt quá trọng lượng rồi,
cần phải đóng thêm phí vận chuyển.

kě yǐ gěi wǒ yí ge kào qián yì xiē de
可以给我一个靠前一些的
wèi zi ma
位子吗？

Có thể cho tôi một chỗ ngồi gần phía trước
được không?

zuò hòu mian wǒ huì tóu yūn ěr míng
坐后面我会头晕耳鸣。

Ngồi phía sau tôi sẽ bị nhức đầu và ù tai.

qǐng nín ná hǎo dēng jī pái, zài 8 hào
请您拿好登机牌，在8号
dēng jī kǒu dēng jī
登机口登机。

Bạn vui lòng giữ trên tay thẻ máy bay,
lên máy bay tại cổng số 8.

huān yíng nín chéng zuò zhōngguó háng kōng
欢迎您乘坐中国航空，
yù zhù nín lǚ tú yú kuài
预祝您旅途愉快！

Chào mừng bạn đến với hãng hàng không Trung Quốc,
chúc bạn có chuyến đi vui vẻ!

xiān sheng qǐng wèn nín yào hē diǎnr
先生，请问您要喝点儿
shén me
什么？

Chào ông, ông có muốn uống chút gì không?

wǒ yào bēi kā fēi, xiè xie
我要杯咖啡，谢谢！

Tôi muốn một ly cà phê, cảm ơn!

wǒ de xíng lí zhǎo bú dào le
我的行李找不到了。

Tôi tìm không thấy hành lý của tôi.

wǒ néng kàn yí xià nín de xíng lí piào ma
我能看一下您的行李票吗？

Tôi có thể xem qua thẻ hành lý của bạn không?

nín bié zhāo jí wǒ men zhǎo dào nín de
您别着急，我们找到您的
xíng lǐ huì mǎ shàng hé nín lián xì
行李会马上和您联系。

Bạn đừng lo lắng, chúng tôi tìm thấy hành lý
của bạn sẽ liên lạc với bạn ngay.

替换练习

Luyện Tập Thay Thế

1

wǒ xiǎng dīng qī hào běi jīng dào niǔ yuē de wǎng fǎn piào
我想订7号北京到纽约的往返票。

Tôi muốn đặt vé khứ hồi từ **Bắc Kinh** tới **New York** vào ngày 7.

běi jīng dōng jīng
北京 - 东京

Bắc Kinh - Tokyo

běi jīng shǒu ěr
北京 - 首尔

Bắc Kinh - Seoul

guǎng zhōu xiāng gǎng
广州 - 香港

Quảng Châu -
Hong Kong

shàng hǎi dà lián
上海 - 大连

Thượng Hải - Đại Liên

2

xiàn zài yǒu tè jià jī piào ma
现在有特价机票吗？

Hiện tại có vé **khuyến mãi** không?

dǎ zhé
打折

giảm giá

tuán duì
团队

đoàn

xué shēng
学生

học sinh

3

qǐng nín ná hǎo dēng jī pái zài bā hào dēng jī kǒu dēng jī
请您拿好登机牌，在8号登机口登机。

Bạn vui lòng giữ trên tay thẻ máy bay, lên máy bay tại cổng **số 8**.

shí yī hào
11号

số 11

sān hào
3号

số 3

jiǔ hào
9号

số 9

shí wǔ hào
15号

số 15

4

huān yíng nín chéng zuò zhōng guó háng kōng yù zhù nín lǚ tú yú kuài
欢迎您乘坐中国航空，预祝您旅途愉快！

Chào mừng bạn đến với hãng **hàng không Trung Quốc**, chúc bạn có chuyến đi vui vẻ!

dōng fāng háng kōng
东方航空

hàng không

Đông Phương

nán fāng háng kōng
南方航空

hàng không

Nam Phương

dà hàn háng kōng
大韩航空

hàng không

Đại Hàn

hǎi nán háng kōng
海南航空

hàng không

Hải Nam

5

wǒ yào bēi kā fēi
我要杯咖啡，

xiè xie
谢谢！

Tôi muốn một ly **cà phê**, cảm ơn!

niú nǎi
牛奶

sữa bò

kuàng quán shuǐ
矿泉水

nước khoáng

chéng zhī
橙汁

nước ép cam

fān qié zhī
番茄汁

nước ép cà chua



自驾车

Tự Lái Xe



最近几年，越来越多的中国人喜欢“明明白白地消费，开开心心地旅游”。他们觉得报团旅行不太自由，于是很多人自己或召集亲朋好友一起驾驶私家车去各地旅游。

Nhiều năm gần đây, càng ngày càng nhiều người Trung Quốc thích “chi tiêu một cách rõ ràng, du lịch một cách vui vẻ”.

如果您来到中国，想自己驾驶汽车出游，而又不想在中国买车的话，那么您不用着急。因为各大城市的旅游服务公司一般会提供租车服务，您可以租赁他们的汽车。一般来说，四川、云南、山东等地适合自驾游，而西藏、新疆等地路况不太好，自驾游的话要仔细考察路线，注意安全。

Nếu bạn tới Trung Quốc, muốn tự lái xe đi du lịch nhưng lại không muốn mua xe tại Trung Quốc, thì bạn không cần lo lắng. Vì đa số các công ty du lịch tại các thành phố lớn trong nước đều có dịch vụ cho thuê xe, bạn có thể thuê xe của họ. Thông thường, các nơi như Tứ Xuyên, Vân Nam, Sơn Đông thích hợp cho việc tự lái xe, còn các nơi như Tây Tạng, Tân Cương đường đi không được tốt lắm, nếu tự lái xe cần phải quan sát cẩn thận đường đi, chú ý an toàn.

尽管现在的加油站随处可见，但有些比较偏僻的地方还是不太方便，所以您在出发前，要尽可能多地准备些必需用品。

Dù hiện giờ có thể thấy được các trạm xăng ở khắp nơi, nhưng vẫn có một số nơi hẻo lánh không có thuận tiện, vì thế trước khi bạn xuất phát nên chuẩn bị nhiều vật dụng cần thiết.



句型练习

Luyện Tập Câu

wǒ men kāi chē qù běi jīng jiāo wài wánr
我们开车去北京郊外玩儿
吧！

bù zhī dào zhōu mò tiān qì zěn me yàng
不知道周末天气怎么样。

zuì jìn zǒng shì xià yǔ
最近总是下雨。

tiān qì yù bào shuō zhè ge zhōu mò shì
天气预报说这个周末是
qíng tiān
晴天。

dàn yuàn shì ge hǎo tiān qì
但愿是个好天气。

wǒ men dài shàng sǎn jiù méi wèn tí le
我们带上伞就没问题了。

xià yǔ lù huá bù hǎo kāi chē
下雨路滑，不好开车。

Chúng ta lái xe đi du ngoạn Bắc Kinh chơi
nhé!

Không biết cuối tuần thời tiết như thế nào.

Gần đây cứ trời mưa.

Dự báo thời tiết nói cuối tuần này
trời nắng.

Hi vọng là trời tốt.

Chúng ta mang theo dù là ổn thôi.

Trời mưa đường trơn, không nên lái xe.

wǒ men shén me shí hòu chū fā
我们什么时候出发？

xīng qī liù zǎo shàng bā diǎn zài tíng chē chǎng
星期六早上 8 点在停车场
jiàn
见。

qiū tiān de jǐng sè zhēn měi
秋天的景色真美！

chē kuài méi yóu le
车快没油了。

kàn yí xià dì tú kàn wǒ men lí jiā
看一下地图，看我们离加
yóu zhàn hái yǒu duō yuǎn
油站还有多远。

tiān hēi xià lái le
天黑下来了。

zhǎo bú dào jiā yóu zhàn jiù má fan le
找不到加油站就麻烦了。

dōu guài wǒ méi tí xǐng nǐ jiā mǎn yóu
都怪我没提醒你加满油。

zán men jīn wǎn zài qì chē lǚ guǎn zhù yì
咱们今晚在汽车旅馆住一
xiǔ ba
宿吧！

Khi nào chúng ta khởi hành?

Sáng thứ bảy 8 giờ gặp nhau ở bãi đậu
xe nhé.

Cảnh mùa thu thật đẹp!

Xe sắp hết xăng rồi.

Nhìn bản đồ, xem chúng ta còn cách
trạm xăng bao xa.

Trời bắt đầu tối rồi.

Tìm không thấy trạm xăng thì phiền lắm.

Đó là lỗi tại tôi không nhắc nhở bạn đổ đầy xăng.

Tối nay chúng ta ở một đêm tại khách sạn dành
cho khách đi ô tô nhé!

替换练习

Luyện Tập Thay Thế

1

wǒ men kāi chē qù **běi jīng** jiāo wài wán ér ba
我们开车去**北京**郊外玩儿吧！

Chúng ta lái xe đi du ngoạn **Bắc Kinh** chơi nhé!

chángchéng

长城

Trường Thành

fēng jǐng qū

风景区

khu vực phong cảnh

tiān jīn

天津

Thiên Tân

shuǐ kù

水库

bể chứa nước

2

bù zhī dào **zhōu mò** tiān qì zěn me yàng
不知道**周末**天气怎么样。

Không biết **cuối tuần** thời tiết thế nào.

míng tiān

明天

ngày mai

niǔ yuē

纽约

New York

xīng qī liù

星期六

thứ bảy

guǎng zhōu

广州

Quảng Châu

3

zuì jìn zǒng shì **xià yǔ** 。 Gần đây cứ **trời mưa** .

yīn tiān

阴天

âm u

qǐ wù

起雾

sương mù

guā dà fēng

刮大风

nhiều gió

guā shā chén bão

刮沙尘暴

bão gió cát

4

dàn yuàn shì ge hǎo tiān qì 。 **Hì vọng** là trời tốt.

xī wàng

希望

mong

qí dǎo

祈祷

cầu nguyện

yí dìng huì

一定会

chắc chắn sẽ

5

xīng qī liù zǎo shàng bā diǎn zài **tíng chē chǎng** jiàn 。
星期六早上 8 点在**停车场**见。

Sáng thứ bảy 8 giờ gặp nhau ở **bãi đậu xe** nhé.

xiǎo qū mén kǒu

小区门口

trước cổng khu vực

lóu xià

楼下

lầu dưới

chángchéng

长城

Trường Thành

nǐ jiā

你家

nhà của bạn

6

qiū tiān de jǐng sè zhēn měi ! **Cảnh mùa thu** thật đẹp!

chūn tiān

春天

mùa xuân

xià tiān

夏天

mùa hè

dōng tiān

冬天

mùa đông

chuāng wài

窗外

ngoài cửa sổ

7

kàn yí xià dì tú , kàn wǒ men lí **jiā yóu zhàn** hái yǒu duō yuǎn 。
看一下地图，看我们离**加油站**还有多远。

Nhìn bản đồ, xem chúng ta còn cách **trạm xăng** bao xa.

lǚ guǎn

旅馆

khách sạn

fēng jǐng qū

风景区

khu phong cảnh

chángchéng

长城

Trường Thành

gāo sù chū kǒu

高速出口

lối ra đường cao tốc

8

zhǎo bú dào jiā yóu zhàn jiù má fan le
找不到加油站就麻烦了。

Tìm không thấy **trạm xăng** thì phiền lắm.

lǚ guǎn
旅馆
khách sạn

tā
他
anh ấy

wén jiàn
文件
văn kiện

jiè kǒu
借口
lý do

9

zán men jīn wǎn zài qì chē lǚ guǎn zhù yí xiǔ ba
咱们今晚在汽车旅馆住一宿吧！

Tối nay chúng ta ở lại **khách sạn** một đêm nhé!

zhāng peng li
帐篷里
trong lều

nóng jiā xiǎo yuàn
农家小院
nhà nông dân

cháng chéng jiǎo xià
长城脚下
dưới chân Trường Thành

běi jīng fàn diàn
北京饭店
khách sạn Bắc Kinh



lǚ xíng shè
旅行社

Công Ty Du Lịch



中国有着雄伟壮丽的锦绣河山，也有着丰富悠久的历史传统。如果您到中国一定要去参观一下长城、故宫和秦始皇兵马俑等名胜古迹，感受一下中国文化的魅力。

Trung Quốc có nhiều sông núi hùng vĩ và tuyệt đẹp, có cả văn hóa truyền thống phong phú lâu đời. Nếu bạn tới Trung Quốc nhất định phải tới tham quan các địa danh cổ như Trường Thành, Cung Điện Và Bình Mã Dừng của Tần Thủy Hoàng, để cảm nhận sự thu hút của văn hóa Trung Quốc.

长城是“世界七大奇迹”之一，是中国修建时间最长、工程量最大的一项古代防御工程，它绵延万里，颇为壮观。北京故宫又称紫禁城，是明清两朝24代皇帝的宫殿，也是中国现存最完整的宫殿群体。兵马俑是中国第一个封建皇帝秦始皇的皇陵，修建了36年之久，是一座雄伟的地下皇宫。

Trường Thành là một trong “7 kì quan Thế giới”, là một công trình kiến trúc cổ lâu đời nhất, công trình lớn nhất của Trung Quốc, nó dài 10.000 km. Hoàng cung Bắc Kinh còn được gọi là Tử Cấm Thành, là cung điện của 24 đời vua ở triều Minh và Thanh, cũng là cung điện được bảo tồn hoàn chỉnh nhất của Trung Quốc cho đến nay. Bình Mã Dừng là lăng mộ của Tần Thủy Hoàng – nhà vua phong kiến đầu tiên của Trung Quốc, xây dựng trong 36 năm, là một cung điện hùng vĩ dưới lòng đất.

除此之外，还有丝绸之路、锦绣江南等美景，您可以跟着旅行社到各处游览，导游会给您详细的介绍，同时也可以减少独自游走的盲目性。

Ngoài ra, còn có đường lụa tơ tằm, tranh thêu các thắng cảnh đẹp như Giang Nam, bạn có thể theo các chương trình tham quan của các công ty du lịch, hướng dẫn viên du lịch sẽ giới thiệu chi tiết cho bạn, đồng thời bạn có thể tránh việc mơ hồ khi tự du lịch một mình.



句型练习

Luyện Tập Câu

yǒu méi yǒu qù hǎi nán de xiàn lù
有没有去海南的线路？

wǒ xiǎng kàn kan xíng chéng ān pái
我想看看行程安排。

wǒ men yǒu hǎo duō tiáo jīng pǐn xiàn lù gòng
nín xuǎn zé
我们有好多条精品线路供您选择。

wǒ xiǎng zhù wǔ xīng jí jiǔ diàn
我想住五星级酒店。

sān xīng jí dào wǔ xīng jí jiǔ diàn nín dōu
kě yǐ xuǎn zé
三星级到五星级酒店您都可以选择。

Có chuyến du lịch nào đi Hải Nam không?

Tôi muốn xem lịch trình du lịch.

Chúng tôi có rất nhiều chuyến đi hấp dẫn
cho bạn lựa chọn.

Tôi muốn ở khách sạn năm sao.

Bạn có thể chọn lựa khách sạn 3 sao tới
5 sao.

wǒ xiǎng cān jiā wú gòu wú chún wán tuán
我想参加无购物纯玩团。

wǒ men bù xiǎng xíng chéng ān pái de tài jǐn
我们不想行程安排得太紧。

nín kàn zhè tiáo sānqiānlǐùbǎibāshíbā yuán de
xiàn lù kě yǐ ma
您看这条3688元的
线路可以吗？

wǒ xiàn zài hái bù néng què dìng
我现在还不能确定。

wǒ děi xiān huí qù gēn wǒ xiān sheng shāng liang
shāng liang
我得先回去跟我先生商量
商量。

Tôi muốn tham gia đoàn không mua sắm.

Chúng tôi không muốn sắp xếp lịch trình quá kín.

Bạn xem chuyến giá 3688 yuan này
có được không?

Bây giờ tôi vẫn chưa quyết định được.

Tôi cần về nhà thương lượng với chồng tôi.

替换练习

Luyện Tập Thay Thế

1

有没有去海南的线路? Có chuyến du lịch nào đi **Hải Nam** không?

yún nán
云南

Vân Nam

xī zàng
西藏

Tây Tạng

tài guó
泰国

Thái Lan

fǎ guó
法国

Pháp

2

我想去五星级酒店。 Tôi muốn ở khách sạn **năm sao**.

sān xīng jí
三级

ba sao

hải biên
海边

ven biển

bié shù shì
别墅式

dạng biệt thự

3

我想参加无购物纯玩团。 Tôi muốn tham gia **đoàn không mua sắm**.

jīng pǐn tuán
精品团

đoàn quà lưu niệm

chāo zhí yóu wán tuán
超值游玩团

đoàn du lịch siêu rẻ

xiū xián hǎi dǎo yóu
休闲海岛游

du lịch nghỉ dưỡng tại đảo

4

我得先回去跟我先生商量商量。

Tôi cần về nhà thương lượng với **chồng** tôi.

ài ren
爱人

người yêu

tài tai
太太

vợ

fù mǔ
父母

cha mẹ

hái zǐ
孩子

con cái

yóu jú 邮局

Bưu Điện



如果您给中国人寄信，要注意中文信封的书写格式与英文信封的书写格式不同。中文信封左上角写收信人地址、单位，中间写收信人姓名，右下角写寄信人地址、邮编。收信人地址和寄信人地址，都是从大地方写到小地方，顺序为：中国，省市，区，路，街道，小区，门牌号。

Nếu bạn gửi thư cho người Trung Quốc, cần phải chú ý đến sự khác nhau giữa cách thức viết bì thư tiếng Hoa và cách viết tiếng Anh. Góc trên bên trái của bì thư tiếng Hoa viết địa chỉ, cơ quan của người nhận, ở giữa viết tên người nhận, góc phải bên dưới viết địa chỉ, mã thư của người gửi. Địa chỉ của người gửi và người nhận đều viết theo thứ tự khu vực lớn tới nhỏ, như: Trung Quốc, tỉnh, thành phố, quận, đường, phường, số nhà.

寄包裹的地址写法和寄信的一样。在中国，包裹邮资一般由外包装箱费、挂号费、实际邮资、保价等几个部分构成。其中，包裹的实际邮资大致由四个方面来决定：距离、重量、尺寸、速度。如果您要从中国往国外寄包裹，可以选择海运、陆运或空运。其中海运比较便宜，但比较慢；空运最快最贵，如果你有紧急的文件等，可以选择空运。

Gửi kiện hàng và gửi thư đều có chung một cách viết. Tại Trung Quốc, chi phí kiện hàng thường bao gồm phí gói hàng, phí đóng mã số, phí thực, phí bảo hiểm. Trong đó, phí gói hàng thường bao gồm 4 chi phí qui định khác nhau: khoảng cách, trọng lượng, độ lớn, tốc độ. Nếu như bạn gửi kiện hàng từ Trung Quốc đến nước ngoài, có thể lựa chọn vận chuyển đường biển, đường bộ hoặc đường hàng không. Trong đó, vận chuyển đường biển chi phí rẻ hơn, nhưng lại chậm hơn; vận chuyển hàng không là nhanh nhất, nếu bạn có văn kiện gấp, có thể lựa chọn vận chuyển đường hàng không.



句型练习

Luyện Tập Câu

wǒ xiǎng jì bāo guǒ
我想寄包裹。

jì dào měi guó
寄到美国。

yào duō chángshí jiān cái dào?
要多长时间才到?

pǔ tōng bāo guǒ yī zhì sān ge yuè zuǒ yòu
普通包裹1—3个月左右，

hángkōng de liǎng ge xīng qī, EMS zhǐ
航空的两个星期，EMS只
yào sān tiān jiù néng dào
要3天就能到。

Tôi muốn gửi kiện hàng.

Gửi đến nước Mỹ.

Bao lâu mới tới?

Kiến hàng bình thường khoảng 1-3 tháng,

hàng không khoảng 2 tuần, EMS chỉ cần
3 ngày là tới nơi.

hángkōng de duō shao qián
航空的多少钱?

qǐng nín gěi wǒ yī zhāng hángkōng bāo guǒ dān
请您给我一张航空包裹单。

xiān qù nà biān mǎi ge zhǐ xiāng bǎ dōng xī
先去那边买个纸箱把东西
zhuāng qǐ lái
装起来。

bì xū yào yòng yóu zhèngbāo guǒ xiāng ma
必须要用邮政包裹箱吗?

Gửi hàng không bao nhiêu tiền?

Bạn vui lòng cho tôi một tờ đơn gửi hàng không.

Đầu tiên đi lại đằng kia mua một cái hộp giấy
bỏ hàng vào trước.

Bắt buộc sử dụng hộp giấy của bưu điện không?

rú guǒ shōu jiàn rén shōu bú dào zěn me bàn
如果收件人收不到怎么办?

kě yǐ xuǎn zé xiāo huǐ huò shì tuì huán gěi
可以选择销毁或是退还给
jì jiàn rén
寄件人。

nǐ wàng le xiě lián xì rén diàn huà
你忘了写联系人电话。

Nếu người nhận không nhận được thì phải làm sao?

Có thể lựa chọn hủy hoặc gửi trả
người gửi.

Bạn quên ghi số điện thoại của người liên hệ.

替换练习

Luyện Tập Thay Thế

1

wǒ xiǎng jì bāo guǒ
我想寄包裹。

Tôi muốn gửi kiện hàng.

míng xìn piàn
明信片
bū xiū tiē

hángkōng xìn
航空信
thư hàng không

kuài jiàn
快件
kiện hàng nhanh

tè kuài zhuān dì
特快专递
chuyển phát nhanh

2

jì dào měi guó 寄到美国。 Gửi đến Mỹ.

hán guó 韩国

Hàn Quốc

rì běn 日本

Nhật Bản

fǎ guó 法国

Pháp

dé guó 德国

Đức

3

háng kōng de duō shao qián 航空的多少钱? Gửi hàng không bao nhiêu tiền?

pǔ tōng 普通

bình thường

tè kuài 特快

nhANH

jiā jí 加急

khẩn cấp

4

nǐ wàng le xiě lián xì rén diàn huà 你忘了写联系人电话。 Bạn quên ghi số điện thoại của người liên hệ.

yóu biān 邮编

mã thư

shōu jiàn rén xìng míng 收件人姓名

tên người nhận

jì jiàn rén dì zhǐ 寄件人地址

địa chỉ người gửi



50% TRÍ NÃO PHÁT TRIỂN HOÀN THÀNH TRƯỚC 4 TUỔI

30% TRÍ NÃO PHÁT TRIỂN HOÀN THÀNH TRONG KHOẢNG 4 – 8 TUỔI

20% TRÍ NÃO PHÁT TRIỂN HOÀN THÀNH TRONG KHOẢNG 8 – 17 TUỔI

Tính cần thiết của việc giáo dục từ sớm cho trẻ

- 1. Giáo dục từ sớm là cần thiết:** Khoa học chứng minh rằng, ở độ tuổi 0 – 6 trí não của bé bắt đầu khai phá, là bước ngoặt quan trọng nhất với trẻ. Hy vọng phụ huynh có thể hiểu, việc giáo dục từ sớm một cách khoa học tuyệt đối không phải tiến hành hình thức nhồi nhét kiến thức. Việc thành bại của giáo dục từ sớm sẽ dẫn đến quyết định em bé của ai có thể thắng ngay từ vạch xuất phát!
- 2. Tháng đầu tiên khi được sinh ra đã có lớp học:** Từ 0 – 3 tuổi mỗi tháng đều có lớp học, 6 bước hướng dẫn phát triển năng lực cho bé từ 0 – 12 tháng tuổi giúp nhận biết ngôn ngữ, vận động lớn, động tác nhỏ, tự nhiên và xã hội. Việc giáo dục từ sớm cho trẻ ở giai đoạn 0 – 1 tuổi là giai đoạn phát triển trí năng siêu tốc của con người, trí năng của bé được chia làm nhiều loại: chỉ số thông minh IQ, chỉ số cảm xúc EQ (bao gồm tình thân, tình yêu và tình bạn) v.v... Đây đều là những móc xích quan trọng, nếu lỡ mất khó mà bù đắp được, cho dù có tiêu nhiều tiền đi nữa cũng không có tác dụng.
- 3. Cha mẹ là thầy cô đầu tiên của bé:** Bé sẽ nảy sinh sự ảnh hưởng rất lớn đối với hành động và lời nói của người mà bé tiếp xúc nhiều nhất. Đó chính là lý do tại sao trẻ thường có tính cách và thói quen giống với ba mẹ hoặc người trong nhà. Thông thường mà nói, cha mẹ như thế nào thì con sẽ như thế đấy. Việc giáo dục từ sớm cho trẻ là một môn khoa học mà cha mẹ và người thân của bé cũng cần phải học tập tốt.

Những vấn đề hiện hữu trong việc giáo dục từ sớm:

1. Thương yêu và bảo bọc quá độ, không cho bé vận động nhiều, điều đó sẽ gây trở ngại đến sự phát triển của hệ thống thần kinh vận động.
2. Thiếu quan tâm, giao bé cho bảo mẫu hay ông bà, thiếu sự giao lưu và vun đắp tình cảm của người thân.
3. Xem việc giáo dục từ sớm đơn giản chỉ là nhận biết chữ, đọc sách, viết chữ, làm toán.
4. Môi trường sống thiếu sự kích thích của thông tin, thiếu sự kích thích của thính giác.
5. Bỏ qua thời kì vàng phát triển khả năng ngôn ngữ của bé.

Giáo dục từ sớm có thể giúp phụ huynh giải quyết những vấn đề sau:

- 1. Học tập một số nội dung có giá trị:** Trước 3 tuổi là thời kỳ bé nhạy cảm với tri giác, trí nhớ và tư duy nhất, sau 3 tuổi sẽ học các vận động, bé rất thích nghe kể chuyện cổ tích, trong quá trình bé nghe kể chuyện sẽ phát huy trí tưởng tượng của mình, sự tưởng tượng của trẻ sẽ được rèn luyện theo sự phát triển của câu chuyện.
- 2. Giúp trẻ học tốt tiếng Anh:** Năm 2009 Hiệp hội tâm lý học của Mỹ công bố một kết quả nghiên cứu khả năng ngôn ngữ của con người thường định hình ở độ tuổi 13, sau đó dần dần biến mất. Từ kết quả nghiên cứu cho thấy độ tuổi tốt nhất cho trẻ học tiếng Anh là 4 – 13 tuổi (0 – 3 tuổi là thời kỳ quan trọng để học tiếng mẹ đẻ), nếu như ở giai đoạn này, phụ huynh xem trọng việc học tiếng Anh của trẻ, sẽ dễ dàng có được hiệu quả tốt, nếu bỏ lỡ giai đoạn này, trẻ rất khó học được tiếng Anh chuẩn.
- 3. Phụ huynh không còn lo lắng cho việc học của trẻ nữa:** “Bút thông minh” chăm nhẹ nhàng, đọc tiếng Anh, tiếng Việt chuẩn, giúp ông bà có thể phụ đạo cho trẻ học tập, giúp ông bà có cách dạy tốt, trẻ học được tốt, cha mẹ cũng yên tâm hơn.

TRỌN BỘ 8 QUYỂN

